

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2024

V/v: "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hương.
- Bà Mai Thị Huyền Trang.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lương Nữ Vân Kiều-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Lan –Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26/02/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐHNGĐ-ST ngày 21/6/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Lưu Nhã K** –sinh năm: 2004 (có mặt)

Trú tại: **Thôn H, xã P, huyện N, Ninh Thuận.**

-Bị đơn: Ông **Bá Đại H** –sinh năm: 2000 (vắng mặt).

Trú tại: **Thôn C, xã P, huyện N, Ninh Thuận.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Lưu Nhã K** trình bày:

Bà và ông **Bá Đại H** quen biết nhau được một thời gian rồi tiến đến hôn nhân, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2023 tại **UBND xã P, huyện N**. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ mới chung sống được vài ngày thì ông **H** có thái độ thờ ơ, lạnh nhạt không quan tâm vợ. Sau đó ông **H** đi cho đến nay, vợ chồng không quan tâm nhau, mặc ai người nấy sống. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông **H**. Bà và ông **H** không có con chung và không có tài sản chung.

Bị đơn ông **Bá Đại H**: Vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ cho đến phiên tòa xét xử hôm nay nên không có lời trình bày.

Chính quyền địa phương **thôn C, xã P, huyện N**-nơi ông **Bá Đại H** sinh sống xác nhận: Ông Hàm hiện không có mặt ở địa phương, ông **H** đi đâu và làm gì địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát **huyện N** phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và thư ký phiên tòa luôn tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã thực hiện tổng đạt thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà **Lưu Nhã K** được ly hôn với ông **Bá Đại Hàm**. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Về án phí bà **K** phải chịu theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. HĐXX sơ thẩm nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà **Lưu Nhã K** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông **Bá Đại Hàm**. Đơn kiện đảm bảo về nội dung, hình thức. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn **huyện N**. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS, HĐXX xác định đây là vụ án Dân sự loại Hôn nhân gia đình về việc “ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Đối với bị đơn ông **Bá Đại H** vắng mặt trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án, tiến hành phiên hòa giải, đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà **Lưu Nhã K** và ông **Bá Đại H** tự nguyện chung sống, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 126 ngày 17/7/2023, tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận**, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hợp nhau, vợ chồng đang sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Xét thấy, hôn nhân của giữa bà **K** và ông **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **K**.

[3] *Về con chung:* Không có.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

[5] Căn cứ vào những phân tích trên, xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Bà **K** phải chịu án phí theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân:* Bà **Lưu Nhã K** được ly hôn với ông **Bá Đại Hàm**.

2. *Về con chung:* Không có.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà **Lưu Nhã K** phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001127 ngày 23/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. Bà **Lưu Nhã K** đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Hậu-Ninh Phước;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Xuân Thủy